

Bàn thêm về nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam

NGUYỄN CHÂU TRINH*

Tăng trưởng kinh tế (TTKT) của Việt Nam thời gian qua đã duy trì và trụ vững ở mức khá, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng đã xuất hiện xu thế chậm lại, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, lại chậm được cải thiện. Điều đó đặt ra yêu cầu về nâng cao chất lượng TTKT trong thời gian tới để đạt mục tiêu Đại hội Đảng lần thứ XII đề ra.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA VIỆT NAM THỜI GIAN QUA

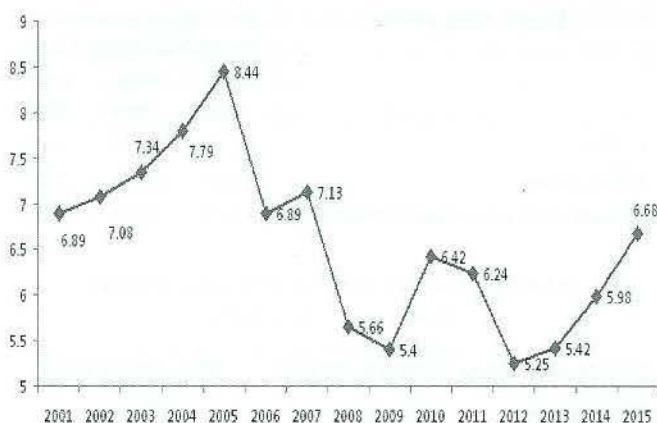
Giai đoạn 2001-2005, nền kinh tế Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh từ 6,89% năm 2001 tăng lên 8,44% năm 2005, đưa tỷ lệ tăng trưởng bình quân năm của cả giai đoạn này là 7,51%.

Năm 2006, tỷ lệ tăng trưởng đạt 6,98%, đến năm 2008, khi nền kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng, tỷ lệ tăng trưởng chỉ còn 5,66% và đến năm 2009 là 5,4%. Giai đoạn 2006-2010, mặc dù quy mô kinh tế năm 2010 tăng gấp 2 lần năm 2006, nhưng tốc độ tăng trưởng thấp hơn nhiều so với giai đoạn trước.

Từ năm 2011 đến năm 2015, do ảnh hưởng của khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu cùng với tình trạng mất cân đối vĩ mô trong nhiều năm của nội tại nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta thậm chí còn thấp hơn giai đoạn 2006-2010. Năm 2010 tăng trưởng kinh tế đạt 6,42%. Năm 2012 đạt 5,25%, đến năm 2015 tăng trưởng kinh tế đạt 6,68% là mức cao nhất trong 5 năm (từ năm 2011 đến năm 2015) (Hình).

Tăng trưởng GDP năm 2015 đạt cao nhất trong giai đoạn 2011-2015. Đặc biệt

HÌNH: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001-2015



Nguồn: Tổng cục Thống kê

GDP quý IV/2015 đã có mức tăng trưởng cao nhất so với 3 quý còn lại (7,01%), ngang với mức trung bình của giai đoạn 2006-2010 (7,02%) và cao hơn những năm cuối của giai đoạn 2006-2010. Với tổng mức GDP đạt cao, nên mức và tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người của năm 2015 cũng có sự gia tăng đáng kể. Tốc độ tăng bình quân đầu người đạt 8%/năm cả giai đoạn 2011-2015. Tuy nhiên, tốc độ tăng này vẫn chậm hơn nhiều so với giai đoạn trước.

Theo Tổng cục Thống kê, GDP bình quân đầu người năm 2005 là 700 USD/người/năm. Từ năm 2008, Việt Nam đã chính thức trở thành quốc gia có thu nhập trung bình với GDP bình quân đầu người đạt 1.145 USD.

*Trường Đại học Hà Tĩnh

Email: trINH.ngUYENchau@htu.edu.vn

Đến năm 2013, GDP bình quân đầu người của Việt Nam tăng lên 1.908 USD. Tuy nhiên với mức bình quân này, Việt Nam vẫn tiếp tục thuộc nhóm nước có thu nhập trung bình thấp và ngang bằng mức GDP bình quân đầu người của Malaysia năm 1987, Thái Lan năm 1992, Indonesia năm 2007, Phillippines năm 2008 và của Hàn Quốc trong năm đầu thập niên 80 của thế kỷ trước. Năm 2014, GDP bình quân đầu người của Việt Nam đạt 2.028 USD, năm 2015 đạt 2.109 USD.

BẢNG 1: CƠ CẤU GDP VIỆT NAM THEO LĨNH VỰC KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2011-2015

Năm	Tỷ trọng trong GDP chung (%)			
	Nông, lâm, thủy sản	Công nghiệp, xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
2011	19,57	33,24	36,74	10,45
2012	19,22	33,55	37,27	9,96
2013	17,96	33,2	38,74	10,10
2014	17,7	33,22	39,04	10,04
2015	17,0	33,25	39,04	10,71

BẢNG 2: ĐÓNG GÓP CỦA CÁC NHÂN TỐ TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, 2001-2015
Đơn vị: %

Yếu tố tăng trưởng	Tỷ lệ đóng góp của các yếu tố vào tăng GDP		
	2001-2005	2006-2010	2011-2015
1. Vốn	65,76	79,67	53,63
2. Lao động	17,23	26,06	20,56
3. Năng suất các nhân tố tổng hợp	17,01	-5,73	25,82

BẢNG 3: TỐC ĐỘ TTKTVÀ VỐN ĐẦU TƯ/GDP GIAI ĐOẠN 1991-2015

Giai đoạn	Tăng trưởng GDP (%)	Vốn đầu tư/GDP
1991-1995	8,21	28,2
1996-2000	7,00	33,3
2001-2005	7,49	39,1
2006-2010	6,32	42,7
2011-2015	5,62	32,6

BẢNG 4: ICOR CỦA VIỆT NAM TỪNG GIAI ĐOẠN TỪ 1991-2015

Thời kỳ	Tỷ lệ đầu tư (%GDP)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)	ICOR
1991-1995	26,68	8,18	3,26
1996-2000	33,00	7,00	4,70
2001-2005	39,10	7,50	5,20
2006-2010	42,70	7,00	6,10
2011-2015 (Năm 2015 ước tính)	31,16	5,82	5,36

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong quá trình dịch chuyển, cơ cấu kinh tế chậm và chưa bắt kịp đà tăng trưởng chung của cả nền kinh tế (Bảng 1).

CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG

Qua từng thời kỳ, nền kinh tế Việt Nam đã có những thay đổi theo xu hướng phát triển chung của thế giới, nhưng nhìn chung, nếu xét theo yếu tố đầu vào, mô hình TTKT của Việt Nam từ năm 2001 đến nay vẫn chủ yếu nghiêng về chiều rộng hơn là chiều sâu, nghĩa là tỷ trọng đóng góp của 2 nhân tố vốn và lao động gấp nhiều lần tác động của khoa học - công nghệ tới tăng trưởng. Mức đóng góp của nhân tố năng suất tổng hợp (TFP) có tăng lên, nhưng vẫn rất chậm và thấp so với nhiều nước trong khu vực cùng thời kỳ phát triển. Điều đó cho thấy, nền kinh tế Việt Nam về cơ bản vẫn là thâm dụng nguồn lực, chất lượng tăng trưởng thấp.

Bảng 2 cho thấy, xu hướng tăng trưởng theo chiều rộng là tổng mức đóng góp của vốn và lao động trong cả 3 giai đoạn đều chiếm trên 50% tổng GDP. Đáng chú ý, tỷ lệ đóng góp của TFP giai đoạn 2006-2010 là con số âm, điều đó cho thấy, năng suất và hiệu quả sử dụng các yếu tố nguồn lực trong nền kinh tế giai đoạn nói trên có xu hướng sụt giảm mạnh mẽ. Bước sang giai đoạn 2011-2015, cùng với các nỗ lực đổi mới mô hình tăng trưởng, năng suất các nhân tố tổng hợp tăng lên và đóng góp bình quân 25,82% vào GDP mỗi năm.

Về yếu tố vốn đầu tư

Từ những năm 2000, Việt Nam theo đuổi mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn đầu tư, tổng đầu tư toàn xã hội liên tục tăng và duy trì ở mức cao. Tỷ lệ vốn đầu tư/GDP đã tăng từ 35,4% năm 2001 lên đến 41,9% năm 2010. Việt Nam được xếp vào loại nước có tỷ trọng vốn đầu tư/GDP thuộc loại cao trong khu vực Đông Nam Á (Bảng 3). Tăng trưởng đầu tư của Việt Nam (theo giá so sánh năm 2010) giai đoạn 2011-2014 chỉ đạt 3,85%, thấp hơn đáng kể so với giai đoạn trước đó (giai đoạn 2006-2010 đạt 13,42%) do tác động không thuận lợi của kinh tế trong nước và quốc tế. Năm 2015, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội theo giá hiện hành ước tăng 12%, tương đương 32,6% GDP và vượt kế hoạch đề ra.

Về cơ cấu nguồn vốn, tăng trưởng vốn đầu tư phát triển đạt được ở cả 3 nguồn (khu vực nhà nước, ngoài nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài). Trong

đó, tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực nhà nước vẫn ở mức cao (bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt khoảng 38,75%). Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước tăng khá cao (13%), cao hơn tốc độ tăng chung, nên đã vượt lên chiếm tỷ trọng cao nhất (38,7%) trong tổng vốn đầu tư phát triển xã hội.

Duy trì tỷ lệ vốn đầu tư/GDP cao phản ánh nỗ lực tái đầu tư và thu hút vốn cho đầu tư tăng trưởng, tuy nhiên tỷ lệ trên quá cao phản ánh nền kinh tế quốc gia phụ thuộc nặng nề vào vốn đầu tư và đặt ra nhiều thách thức cho TTKT Việt Nam.

Việc quá thâm dụng vốn đầu tư cho mục tiêu tăng trưởng, trong khi đầu tư vốn của Nhà nước chiếm khoảng 39% tạo ra áp lực vay vốn từ nước ngoài và tình trạng nợ công. Nguồn vốn của dân cư và doanh nghiệp ngoài nhà nước còn chiếm tỷ trọng thấp, chủ trương xã hội hóa triển khai thực hiện còn rất chậm. Bên cạnh đó, hiệu quả sử dụng vốn thấp. So với các quốc gia trong khu vực, năng suất biên của vốn ở Việt Nam thấp hơn nhiều, điều này cho thấy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư xã hội là thấp.

Chỉ số ICOR ở mức cao và có xu hướng tăng là chỉ số đáng báo động cho chính sách kinh tế vĩ mô trong điều kiện hạn chế về khả năng tái đầu tư. Giai đoạn có hệ số ICOR tăng cao là 2006-2010, đạt mức là 6,10 (Bảng 4).

Hệ số ICOR của Việt Nam không ngừng tăng lên theo các giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2014, cùng với xu hướng tăng về tỷ trọng vốn đầu tư. Chỉ số này giai đoạn 2011-2015 giảm xuống ở mức 5,36 phản ánh tính cải thiện về hiệu quả sử dụng vốn, dù còn chưa đáng kể.

Về yếu tố lao động

Theo Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước tính đến thời điểm 01/01/2016 là 54,61 triệu người, tăng 185 nghìn người so với cùng thời điểm năm 2014, trong đó lao động nam chiếm 51,7%; lao động nữ chiếm 48,3%. Đến thời điểm trên, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động ước tính 48,19 triệu người, tăng 506,1 nghìn người so với cùng thời điểm năm trước.

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2015 ước tính 52,9 triệu người, tăng 142 nghìn người so với năm 2014. Đặc biệt, tỷ lệ lao động trong độ tuổi đã qua đào tạo năm 2015 ước tính đạt 21,9%, cao hơn mức 19,6% của năm 2014, trong đó lao động qua đào tạo khu vực thành thị đạt 38,3%



Việt Nam vẫn là quốc gia có năng suất lao động thấp trong khu vực Đông Nam Á

(năm 2014 là 35,9); khu vực nông thôn đạt 13,9% (năm 2014 là 12,0).

Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động, ở thanh niên là vấn đề đáng quan ngại. Cụ thể, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2015 có sự gia tăng là 2,31% (năm 2013 là 2,18%; năm 2014 là 2,10%), trong đó có xu hướng tăng thất nghiệp ở khu vực nông thôn (năm 2015 là 1,83% so với năm 2013 là 1,54%; năm 2014 là 1,49%).

Khả năng của lực lượng lao động trong việc đáp ứng các yêu cầu công việc, tiếp thu khoa học, công nghệ và hội nhập còn hạn chế. Năng suất lao động còn thấp so với nhiều nước trong khu vực và thế giới. Việt Nam vẫn là quốc gia có năng suất lao động thấp trong khu vực Đông Nam Á. Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam sử dụng công nghệ tụt hậu so với thế giới từ 2-3 thế hệ. Tỷ trọng doanh nghiệp có công nghệ cao của Việt Nam mới đạt khoảng 20,6%, thấp xa so với con số 73% của Singapore. Các dự án đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp chủ yếu có quy mô nhỏ (dưới 5 triệu USD/dự án). Lĩnh vực đầu tư chủ yếu là các ngành công nghiệp nhẹ, sử dụng nhiều lao động như dệt, may, ít có các dự án đầu tư công nghệ cao và đầu tư nghiên cứu phát triển.

Ngoài ra, do trình độ lao động thấp, năng lực công nghệ yếu kém của doanh nghiệp trong nước và sự thiếu liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp trong nước được xem là những rào cản cho quá trình chuyển giao công nghệ thông qua FDI ở Việt Nam.

Báo cáo của Tổng cục Thống kê hàng năm cũng cho thấy, năng suất lao động xã hội của toàn nền kinh tế năm 2015 theo giá hiện hành ước tính đạt 79,3 triệu đồng/lao động (tương đương khoảng 3.657 USD/lao động). Tính theo giá so sánh năm 2010, năng suất lao động toàn nền kinh tế năm 2015 ước tính tăng 6,4% so với năm 2014.

Về năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)

Đóng góp của yếu tố TFP vào tăng trưởng chiếm tỷ lệ thấp và lại có xu hướng giảm sút nhanh trong giai đoạn 2001-2010. Bình quân giai đoạn 2001-2005, TFP đóng góp khoảng 17,01% vào tăng trưởng kinh tế, giai đoạn 2006-2010 đóng góp của yếu tố này giảm xuống ở mức âm chứng tỏ hiệu quả sử dụng năng suất tổng hợp các yếu tố nguồn lực giảm sút đáng báo động, nền kinh tế hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn lực. Bước sang giai đoạn 2011-2015, đóng góp của TFP đã tăng mạnh lên mức 25,82%, nhưng nhìn chung đóng góp của TFP vào tăng trưởng của Việt Nam thấp hơn nhiều mức 35% - 40% của một số nước trong khu vực (Trung Quốc là 37,49%, Malaysia là 40,74%, Hàn Quốc là 47,54%). Điều này đã phản ánh tính chất lạc hậu về công nghệ, kỹ thuật và hiệu quả của tăng trưởng đang ngày càng thấp.

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRONG
THỜI GIAN TỚI**

Thời gian tới, để nâng cao chất lượng TTKT, theo chúng tôi, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, cần thay đổi tư duy về TTKT, không phải chỉ đạt tốc độ TTKT bằng mọi giá mà cần dựa trên nền tảng coi trọng chất lượng. Theo đó, trong dài hạn cần từ bỏ quan điểm phải đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh theo chiều rộng, tăng trưởng nhờ tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên thiên nhiên và sức lao động, mà chuyển dần sang mô hình tăng trưởng dựa vào tri thức và công nghệ.

Hai là, tái cấu trúc đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Nâng cao hiệu quả các chính sách khuyến khích đầu tư trong nước nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư từ thành phần kinh tế tư nhân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Tăng cường

tính công khai, minh bạch và thực hiện đầu tư có hiệu quả, tránh dàn trải.

Khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các ngành sản xuất, kinh doanh công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn. Đồng thời, tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn FDI và ODA.

Ba là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường đầu tư cho phát triển giáo dục - đào tạo, đặc biệt là các cơ sở đào tạo nghề - công nghệ cao phục vụ sự phát triển của các ngành công nghiệp. Trên cơ sở đặc điểm kinh tế - xã hội địa phương, các địa phương cần quy hoạch và đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghề, trước hết phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ sở đào tạo và các cơ sở sử dụng nhân lực để nhà trường và doanh nghiệp cùng xây dựng chương trình hướng đến mục tiêu đáp ứng chuẩn nghề nghiệp.

Bốn là, nâng cao yếu tố TFP. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ vào các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Phát huy tối đa vai trò của các trường đại học thuộc khối kỹ thuật, các trung tâm nghiên cứu trong việc nghiên cứu phát triển. Hàng năm, giao chỉ tiêu nghiên cứu sáng tạo và khuyến khích hợp đồng nghiên cứu giữa trường đại học và các cơ sở sản xuất, kinh doanh. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2. Tổng cục Thống kê (2001-2015). *Niên giám thống kê các năm từ 2001 đến 2015*, Nxb Thống kê
3. Bùi Tất Thắng (2016). Vấn đề chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong thời kỳ 2016-2020, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 1, tháng 01/2016
4. Ngô Thắng Lợi, Bùi Đức Tuấn (2016). Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2015 và những khuyến nghị chính sách, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 1, tháng 01/2016
5. Bùi Đức Tuấn (2016). Bàn thêm về tăng trưởng kinh tế Việt Nam: tiềm năng và thực tế, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 7, tháng 04/2016
6. Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Anh Tuấn (2016). Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 7, tháng 04/2016
7. Nguyễn Ngọc Thạch (2014). Bàn về TTKT của Việt Nam, *Tạp chí Tài chính*, tháng 02/2014
8. Vụ Tổng hợp Kinh tế, Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam (2013). *Tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững tại Việt Nam*, truy cập từ http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cn_vakv/america/nr130325114730/nr130325115520/ns130528173944/view
9. Ngô Trí Long (2016). Về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế trong văn kiện Đại hội XII của Đảng, truy cập từ <http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/29169502-ve-doi-moi-mo-hinh-tang-truong-co-cau-lai-nen-kinh-te-trong-van-kien-dai-hoi-xii-cua-dang.html>